Liberty Insurance



MA-T00-BR-001-13-V

Bảo hiểm du lịch

Tận hưởng chuyến du lịch quốc tế
một cách trọn vẹn nhất

TRAVELCARE
Bảo hiểm Du lịch



Quyền lợi bảo hiểm hấp dẫn, đáp ứng mọi nhu cầu bảo hiểm của khách hàng với chi phí chỉ từ 23.000 VNĐ/ngày

Bảo hiểm du lịch Liberty bảo vệ toàn diện cho khách hàng khi đi du lịch nước ngoài với 33 quyền lợi cho nhiều loại rủi ro. Du lịch trong mùa dịch an tâm hơn với quyền lợi chi trả chi phí điều trị y tế ở nước ngoài bao gồm cả điều trị Covid-19 và các rủi ro nằm ngoài kế hoạch như hủy chuyến bay hay thất lạc hành lý.

Quyền lợi bảo hiểm chính

Chi trả chi phí điều trị COVID-19

Số tiền chi trả điều trị lên đến 3,6 tỷ VNĐ

Bảo hiểm trong chuyến đi và sau khi về Việt Nam

Chi trả cho các rủi ro và chi phí y tế phát sinh trong chuyến đi và điều trị sau khi về nước

Trợ giúp y tế 24/24 & Di chuyển y tế khẩn

Hỗ trợ khách hàng về các vấn đề y tế 24/24 trong suốt chuyến du lịch nước ngoài trên cơ sở tư vấn hoặc sắp xếp và thanh toán chi phí di chuyển y tế khẩn cấp

Bảo hiểm các sự cố hủy hoãn chuyến đi

Thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, mua đồ dùng cá nhân thiết yếu. 2.400.000 VNĐ cho mỗi 6 giờ liên tục hành lý đến chậm

Bảo hiểm cho các trường hợp mất mát

Bảo hiểm cho các trường hợp mất tiền vì trộm, cướp hoặc thiên tai. Thanh toán chi phí làm lại chứng từ du lịch. Bảo hiểm cho mất và thiệt hại hành lý, tài sản cá nhân

Các quyền lợi mở rộng khác

Bảo hiểm trong trường hợp gặp không tặc và tự động gia hạn bảo hiểm lên đến 7 ngày trong trường hợp chuyến đi bị trì hoãn

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
TAI NẠN CÁ NHÂN						
Tử vong hay thương tật vĩnh viễn do tai nạn Dựa theo Bảng tỷ lệ bồi thường đính kèm Quy tắc bảo hiểm	1.000.000 /người lớn 500.000 /trẻ em	1.000.000 /người lớn 500.000 /trẻ em	2.000.000 /người lớn 1.000.000 /trẻ em	2.000.000 /người lớn 1.000.000 /trẻ em	3.000.000 /người lớn 1.500.000 /trẻ em	3.000.000 /người lớn 1.500.000 /trẻ em
CHI PHÍ Y TẾ						
Chi phí y tế ở nước ngoài Viện phí và chi phí điều trị bệnh hay thương tật phát sinh khi NĐBH ở nước ngoài	1.000.000	1.700.000	1.600.000	2.400.000	2.400.000	3.600.000
Chi phí y tế phát sinh khi trở về Việt Nam Điều trị theo dõi trong vòng 31 ngày kể từ ngày NĐBH về nước (sau khi xuất viện từ một bệnh viện ở nước ngoài)	100.000	200.000	200.000	400.000	300.000	600.000
Thăm bệnh ở nước ngoài Chi phí đi lại cho một người thân hoặc bạn bè nếu NĐBH phải nằm viện hơn 5 ngày ở nước ngoài	60.000	60.000	90.000	90.000	120.000	120.000
Chi phí ăn ở bổ sung Chi phí khách sạn cho một người thân hoặc bạn bè nếu NĐBH nằm viện nhiều hơn 5 ngày khi ở nước ngoài						
Tổng giới hạn	20.000	20.000	24.000	24.000	40.000	40.000
Giới hạn mỗi ngày	5.000	5.000	6.000	6.000	10.000	10.000

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
CHI PHÍ Y TẾ						
Thăm viếng để thu xếp tang lễ ở nước ngoài Chi phí đi lại cho một người thân hoặc bạn bè để hỗ trợ việc chuẩn bị liên quan đến thi hài	40.000	40.000	60.000	60.000	100.000	100.000
Đưa trẻ em về quê quán/nước thường trú Chi phí đưa trẻ không người trông coi của NĐBH về nguyên xứ hoặc nước thường trú	60.000	60.000	80.000	80.000	120.000	120.000
Trợ cấp nằm viện ở nước ngoài Trợ cấp tiền mặt 1.000.000 VNĐ/ngày khi NĐBH nằm viện ở nước ngoài	16.000	16.000	20.000	20.000	50.000	50.000
Trợ cấp nằm viện ở Việt Nam Trợ cấp tiền mặt 500.000 VNĐ/ngày khi NĐBH nằm viện ngay sau khi trở về Việt Nam	5.000	5.000	6.000	6.000	10.000	10.000
Chi phí y tế liên quan đến ốm đau thai sản Chi phí thực tế	24.000	24.000	30.000	30.000	60.000	60.000
Trợ giúp y tế 24/24 giờ Trên cơ sở tư vấn hoặc thu xếp	Liên hệ đường dây nóng của **EUROP Assistance**					

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
CHI PHÍ Y TẾ						
Chi phí điện thoại cấp cứu Chi phí điện thoại vì lí do cấp cứu y tế trong chuyến đi	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000
VẬN CHUYỂN Y TẾ						
Di chuyển y tế khẩn cấp Thanh toán chi phí di chuyển y tế khẩn cấp được thực hiện qua đường dây nóng của **EUROP Assistance**	Chi phí thực tế					
Đưa thi hài về quê quán Chi phí hồi hương thi hài của NĐBH hoặc hỏa táng/chôn cất tại nơi tử nạn	Chi phí thực tế					
TRÁCH NHIỆM PHÁP LÝ						
Trách nhiệm cá nhân Bảo hiểm trách nhiệm pháp lý đối với Thương tật thân thể hoặc Thiệt hại tài sản của Bên thứ 3 gây ra do sự bất cẩn của NĐBH khi ở nước ngoài	1.000.000	1.000.000	1.500.000	1.500.000	2.000.000	2.000.000
NHỮNG SỰ CỐ NGOÀI Ý MUỐN						
Lỡ nối chuyến Thanh toán cho 6 giờ liên tục trở lên bị trì hoãn do lỡ nối chuyến theo quy định của điều khoản Hợp đồng khi NĐBH ở nước ngoài, tối đa lên đến hạn mức 3.000.000 VNĐ cho mỗi chuyến đi	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
NHỮNG SỰ CỐ NGOÀI Ý MUỐN						
Hủy/Hoãn chuyến đi Thanh toán phần chi phí không hoàn lại của chuyến đi đã trả trước hoặc các chi phí hành chính phát sinh khi hủy chuyến đi do những tình huống không thể lường trước	50.000	80.000	80.000	120.000	120.000	160.000
Rút ngắn chuyến đi Thanh toán theo tỷ lệ cho mỗi ngày trọn vẹn bị rút ngắn khi chuyến đi không được thực hiện như dự định vì những tình huống không thể lường trước	50.000	80.000	80.000	120.000	120.000	160.000
Gián đoạn chuyến đi Thanh toán theo tỷ lệ cho mỗi ngày trọn vẹn không được thực hiện như chuyến đi dự định nếu NĐBH phải nằm viện ở nước ngoài nhiều hơn 5 ngày	30.000	40.000	40.000	60.000	60.000	100.000
Chuyến đi bị trì hoãn Tối đa 2.400.000 VNĐ cho mỗi 6 giờ liên tục khi việc khởi hành của phương tiện vận chuyển dự kiến bị trì hoãn ở nước ngoài	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000	12.000

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
NHỮNG SỰ CỐ NGOÀI Ý MUỐN						
Chuyến bay bị đăng ký lố Thanh toán chi phí ăn, ở và đi lại nếu NĐBH không thể lên được chuyến bay dự định vì bị đăng ký lố	1.600	3.200	2.000	4.000	10.000	20.000
Mua hàng khẩn cấp Thanh toán chi phí mua các đồ dùng cá nhân thiết yếu nếu hành lý của NĐBH bị mất cắp hay thất lạc vĩnh viễn	2.000	5.000	2.400	6.000	6.000	10.000
Hành lý đến chậm Thanh toán 2.400.000 VNĐ cho mỗi 6 giờ liên tục hành lý đến chậm khi NĐBH đang ở nước ngoài	6.000	6.000	10.000	10.000	16.000	16.000
Trợ giúp chuyến đi 24/24 giờ Trên cơ sở tư vấn hoặc thu xếp	Liên hệ đường dây nóng của **EUROP Assistance**					
MẤT MÁT						
Mất tiền cá nhân Mất tiền vì bị trộm, cướp hoặc thiên tai khi NĐBH ở nước ngoài	2.000	5.000	3.000	6.000	6.000	12.000
Mất chứng từ du lịch Thanh toán chi phí làm lại chứng từ du lịch cùng chi phí phát sinh cho việc ăn ở khách sạn và đi lại	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000	24.000

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
MẤT MÁT						
Mất hoặc thiệt hại hành lý và tài sản cá nhân Tối đa 5.000.000 VNĐ cho mỗi hạng mục, bộ hoặc cặp vật dụng, thiết bị; Tối đa 20.000.000 VNĐ cho mỗi máy tính xách tay	30.000	30.000	40.000	40.000	60.000	60.000
Bảo hiểm cho mức miễn thường của phương tiện đi thuê Thanh toán phần mức miễn thường mà NĐBH có trách nhiệm phải trả trong trường hợp phương tiện đi thuê bị mất hay thiệt hại do tai nạn	10.000	10.000	12.000	12.000	24.000	24.000
Đại lý du lịch bị đóng cửa Hoàn lại các chi phí đã được trả trước cho chuyến đi nếu đại lý du lịch tại Việt Nam bị phá sản hay đóng cửa	30.000	40.000	50.000	60.000	70.000	80.000
Bảo vệ nhà cửa Bảo hiểm cho mất mát hoặc thiệt hại gây ra do hỏa hoạn đối với tài sản nội thất tại nơi cư trú của NĐBH ở Việt Nam khi không có người trông coi trong suốt chuyến du lịch	20.000	20.000	30.000	30.000	60.000	60.000

TÓM TẮT QUYỀN LỢI CÁC GÓI BẢO HIỂM

Đa dạng gói bảo hiểm, nhiều lựa chọn linh hoạt, phù hợp cho tất cả nhu cầu bảo hiểm của khách hàng.

Quyền lợi tối đa (Đơn vị tính: 1.000 VNĐ)	**Classic**		**Executive**		**Premier**	
	Cá nhân	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**	**Cá nhân**	**Gia đình**
QUYỀN LỢI MỞ RỘNG						
Bảo hiểm trường hợp bị không tặc Hỗ trợ chi phí nếu máy bay của NĐBH bị không tặc khống chế ít nhất 12 giờ liên tục						
Tổng giới hạn	20.000	20.000	24.000	24.000	30.000	30.000
Giới hạn cho mỗi 12 giờ liên tục	1.300	1.300	2.000	2.000	2.600	2.600
Gia hạn tự động Nếu chuyến đi bị trì hoãn do NĐBH bị tai nạn hay bệnh tật, hay do chuyến bay bị trì hoãn, thời hạn bảo hiểm sẽ được tự động kéo dài tương ứng với khoảng thời gian bị trì hoãn đó	7 ngày	7 ngày	7 ngày	7 ngày	7 ngày	7 ngày
Các dịch vụ khách sạn bị gián đoạn hay hủy bỏ Thanh toán 1.500.000 VNĐ cho mỗi 24 giờ trong trường hợp các dịch vụ khách sạn tại điểm đến bị gián đoạn hay hủy bỏ vì đình công hay bạo động	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000	3.000



BẢNG PHÍ BẢO HIỂM

Cá Nhân (VNĐ)

Phí Bảo Hiểm Chuyến (Theo độ dài chuyến đi)	CHƯƠNG TRÌNH Classic			CHƯƠNG TRÌNH Executive			CHƯƠNG TRÌNH Premier		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu
1 - 3 ngày	105.000	147.000	168.000	168.000	210.000	315.000	231.000	294.000	420.000
4 - 6 ngày	168.000	210.000	231.000	252.000	315.000	378.000	336.000	420.000	504.000
7 - 10 ngày	231.000	273.000	357.000	336.000	420.000	504.000	483.000	609.000	735.000
11 - 14 ngày	336.000	378.000	441.000	441.000	546.000	672.000	630.000	777.000	882.000
15 - 18 ngày	399.000	462.000	483.000	567.000	672.000	756.000	756.000	924.000	1.050.000
19 - 22 ngày	441.000	504.000	546.000	672.000	756.000	840.000	882.000	1.008.000	1.155.000
23 - 27 ngày	483.000	567.000	588.000	735.000	861.000	987.000	945.000	1.155.000	1.281.000
28 - 31 ngày	546.000	588.000	630.000	777.000	945.000	1.029.000	1.050.000	1.218.000	1.407.000
32 - 38 ngày	609.000	672.000	735.000	924.000	1.113.000	1.218.000	1.218.000	1.449.000	1.680.000

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM

Cá Nhân (VNĐ)

Phí Bảo Hiểm Chuyến (Theo độ dài chuyến đi)	CHƯƠNG TRÌNH Classic			CHƯƠNG TRÌNH Executive			CHƯƠNG TRÌNH Premier		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu
39 - 45 ngày	672.000	756.000	840.000	1.071.000	1.281.000	1.407.000	1.386.000	1.680.000	1.953.000
46 - 52 ngày	735.000	840.000	945.000	1.218.000	1.449.000	1.596.000	1.554.000	1.911.000	2.226.000
53 - 59 ngày	798.000	924.000	1.050.000	1.365.000	1.617.000	1.785.000	1.722.000	2.142.000	2.499.000
60 - 66 ngày	861.000	1.008.000	1.155.000	1.512.000	1.785.000	1.974.000	1.890.000	2.373.000	2.772.000
67 - 73 ngày	924.000	1.092.000	1.260.000	1.659.000	1.953.000	2.163.000	2.058.000	2.604.000	3.045.000
74 - 80 ngày	987.000	1.176.000	1.365.000	1.806.000	2.121.000	2.352.000	2.226.000	2.835.000	3.318.000
81 - 87 ngày	1.050.000	1.260.000	1.470.000	1.953.000	2.289.000	2.541.000	2.394.000	3.066.000	3.591.000
88 - 94 ngày	1.113.000	1.344.000	1.575.000	2.100.000	2.457.000	2.730.000	2.562.000	3.297.000	3.864.000
95 - 101 ngày	1.176.000	1.428.000	1.680.000	2.247.000	2.625.000	2.919.000	2.730.000	3.528.000	4.137.000
102 - 108 ngày	1.239.000	1.512.000	1.785.000	2.394.000	2.793.000	3.108.000	2.898.000	3.759.000	4.410.000
109 - 115 ngày	1.302.000	1.596.000	1.890.000	2.541.000	2.961.000	3.297.000	3.066.000	3.990.000	4.683.000
116 - 122 ngày	1.365.000	1.680.000	1.995.000	2.688.000	3.129.000	3.486.000	3.234.000	4.221.000	4.956.000
123 - 129 ngày	1.428.000	1.764.000	2.100.000	2,835.000	3.297.000	3.675.000	3.402.000	4.452.000	5.229.000
130 - 136 ngày	1.491.000	1.848.000	2.205.000	2.982,000	3.465.000	3.864.000	3.570.000	4.683.000	5.502.000
137 - 143 ngày	1.554.000	1.932.000	2.310.000	3.129.000	3.633.000	4.053.000	3.738.000	4.914.000	5.775.000
144 - 150 ngày	1.617.000	2.016.000	2.415.000	3.276.000	3.801.000	4.242.000	3.906.000	5.145.000	6.048.000
151 - 157 ngày	1.680.000	2.100.000	2.520.000	3.423.000	3.969.000	4.431.000	4.074.000	5.376.000	6.321.000
158 - 164 ngày	1.743.000	2.184.000	2.625.000	3.570.000	4.137.000	4.620.000	4.242.000	5.607.000	6.594.000
165 - 171 ngày	1.806.000	2.268.000	2.730.000	3.717.000	4.305.000	4.809.000	4.410.000	5.838.000	6.867.000
172 - 178 ngày	1.869.000	2.352.000	2.835.000	3.864.000	4.473.000	4.998.000	4.578.000	6.069.000	7.140.000
179 - 180 ngày	1.932.000	2.436.000	2.940.000	4.011.000	4.641.000	5.187.000	4.746.000	6.300.000	7.413.000
181 - 186 ngày	2.100.000	2.646.000	3.171.000	4.263.000	4.956.000	5.565.000	5.082.000	6.720.000	7.917.000
Phí Bảo Hiểm Năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	2.835.000	5.628.000	Không áp dụng	3.549.000	7.350.000

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM

Gia Đình (VNĐ)

Phí Bảo Hiểm Chuyến (Theo độ dài chuyến đi)	CHƯƠNG TRÌNH Classic			CHƯƠNG TRÌNH Executive			CHƯƠNG TRÌNH Premier		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu
1 - 3 ngày	210.000	294.000	336.000	336.000	420.000	630.000	462.000	588.000	840.000
4 - 6 ngày	336.000	420.000	462.000	504.000	630.000	756.000	672.000	840.000	1.008.000
7 - 10 ngày	462.000	546.000	714.000	672.000	840.000	1.008.000	966.000	1.218.000	1.470.000
11 - 14 ngày	672.000	756.000	882.000	882.000	1.092.000	1.344.000	1.260.000	1.554.000	1.764.000
15 - 18 ngày	798.000	924.000	966.000	1.134.000	1.344.000	1.512.000	1.512.000	1.848.000	2.100.000
19 - 22 ngày	882.000	1.008.000	1.092.000	1.344.000	1.512.000	1.680.000	1.764.000	2.016.000	2.310.000
23 - 27 ngày	966.000	1.134.000	1.120.000	1.470.000	1.722.000	1.974.000	1.890.000	2.310.000	2.562.000
28 - 31 ngày	1.092.000	1.176.000	1.260.000	1.554.000	1.890.000	2.058.000	2.100.000	2.436.000	2.814.000
32 - 38 ngày	1.218.000	1.344.000	1.470.000	1.848.000	2.226.000	2.436.000	2.436.000	2.898.000	3.360.000
39 - 45 ngày	1.344.000	1.512.000	1.680.000	2.142.000	2.562.000	2.814.000	2.772.000	3.360.000	3.906.000
46 - 52 ngày	1.470.000	1.680.000	1.890.000	2.436.000	2.898.000	3.192.000	3.108.000	3.822.000	4.452.000
53 - 59 ngày	1.596.000	1.848.000	2.100.000	2.730.000	3.234.000	3.570.000	3.444.000	4.284.000	4.998.000
60 - 66 ngày	1.722.000	2.016.000	2.310.000	3.024.000	3.570.000	3.948.000	3.780.000	4.746.000	5.544.000
67 - 73 ngày	1.848.000	2.184.000	2.520.000	3.318.000	3.906.000	4.326.000	4.116.000	5.208.000	6.090.000
74 - 80 ngày	1.974.000	2.352.000	2.730.000	3.612.000	4.242.000	4.704.000	4.452.000	5.670.000	6.636.000
81 - 87 ngày	2.100.000	2.520.000	2.940.000	3.906.000	4.578.000	5.082.000	4.788.000	6.132.000	7.182.000
88 - 94 ngày	2.226.000	2.688.000	3.150.000	4.200.000	4.914.000	5.460.000	5.124.000	6.594.000	7.728.000
95 - 101 ngày	2.352.000	2.856.000	3.360.000	4.494.000	5.250.000	5.838.000	5.460.000	7.056.000	8.274.000
102 - 108 ngày	2.478.000	3.024.000	3.570.000	4.788.000	5.586.000	6.216.000	5.796.000	7.518.000	8.820.000
109 - 115 ngày	2.604.000	3.192.000	3.780.000	5.082.000	5.922.000	6.594.000	6.132.000	7.980.000	9.366.000
116 - 122 ngày	2.730.000	3.360.000	3.990.000	5.376.000	6.258.000	6.972.000	6.468.000	8.442.000	9.912.000
123 - 129 ngày	2.856.000	3.528.000	4.200.000	5.670.000	6.594.000	7.350.000	6.468.000	8.904.000	10.458.000
130 - 136 ngày	2.982.000	3.696.000	4.410.000	5.964.000	6.930.000	7.728.000	7.140.000	9.366.000	11.004.000
137 - 143 ngày	3.108.000	3.864.000	4.620.000	6.258.000	7.266.000	8.106.000	7.476.000	9.828.000	11.550.000

BẢNG PHÍ BẢO HIỂM

Gia Đình (VNĐ)

Phí Bảo Hiểm Chuyến (Theo độ dài chuyến đi)	CHƯƠNG TRÌNH Classic			CHƯƠNG TRÌNH Executive			CHƯƠNG TRÌNH Premier		
	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu	Đông Nam Á	Châu Á - TBD	Toàn Cầu
144 - 150 ngày	3.234.000	4.032.000	4.830.000	6.552.000	7.602.000	8.484.000	7.812.000	10.290.000	12.096.000
151 - 157 ngày	3.360.000	4.200.000	5.040.000	6.846.000	7.938.000	8.862.000	8.148.000	10.752.000	12.642.000
158 - 164 ngày	3.486.000	4.368.000	5.250.000	7.140.000	8.274.000	9.240.000	8.484.000	11.214.000	13.188.000
165 - 171 ngày	3.612.000	4.536.000	5.460.000	7.434.000	8.610.000	9.618.000	8.820.000	11.676.000	13.734.000
172 - 178 ngày	3.738.000	4.704.000	5.670.000	7.728.000	8.946.000	9.996.000	9.156.000	12.138.000	14.280.000
179 - 180 ngày	3.864.000	4.872.000	5.880.000	8.022.000	9.282.000	10.374.000	9.492.000	12.600.000	14.826.000
181 - 186 ngày	4.200.000	5.292.000	6.342.000	8.526.000	9.912.000	11.130.000	10.164.000	13.440.000	15.834.000
Phí Bảo Hiểm Năm	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng	5.670.000	9.471.000	Không áp dụng	6.720.000	11.760.000

VÙNG DU LỊCH

Đông Nam Á	Brunei, Campuchia, Indonesia, Lào, Malaysia, Myanmar, Philippines, Singapore và Thái Lan
Châu Á Thái Bình Dương	ASEAN, Trung Quốc, Hồng Kông, Đài Loan, Hàn Quốc, Nhật Bản, Ấn Độ, Sri Lanka, Pakistan, Úc và New Zealand
Toàn Cầu	Tất cả các quốc gia, loại trừ các quốc tra bị cấm vận theo nghị quyết của Hợp Chủng Quốc Hoa Kỳ, Liên Hiệp Châu Âu và Vương Quốc Anh

CÁC ĐIỂM LOẠI TRỪ CHÍNH

STT	Các điểm loại trừ
1	Các bệnh tồn tại trước hoặc bệnh được liệt kê trong mục loại trừ chung
2	Điều trị chứng căng thẳng, lo âu, trầm cảm, hoảng sợ, lo lắng, xúc động, các chứng bệnh hoặc rối loạn về tâm lý, tinh thần
3	Tự gây thương tích, tự tử hoặc có ý định tự tử hay mất trí
4	Các hoạt động thể thao chuyên nghiệp, các hình thức đua hoặc thi đấu, leo vách đá hay leo núi có sử dụng dây hoặc thiết bị, diều lượn hay nhảy dù
5	Sử dụng các chất có cồn hoặc thuốc không theo sự chỉ định của bác sỹ
6	HIV (Vi-rút gây suy giảm miễn dịch ở người), bất kỳ bệnh tật nào có liên quan đến HIV, bao gồm AIDS (Hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải), hoặc kỳ phát sinh đột biến, biến thể hay biến chứng nào có liên quan
7	Bệnh lây lan qua đường tình dục
8	Việc ngừa thai, sẩy thai, sinh nở, mang thai, phá thai và các biến chứng có liên quan
9	Bất kỳ chi phí nào liên quan đến việc điều trị hoặc phẫu thuật mang tính phòng ngừa như tiêm vắc xin, cắt bao quy đầu, tiêm chủng, v.v.
10	Điều trị răng (trừ trường hợp cấp thiết do xảy ra tai nạn gây thương tổn tới răng tự nhiên và đang ở trong tình trạng tốt)

CẦN HỖ TRỢ KHẨN CẤP

Hỗ trợ khẩn cấp

Trong các tình huống khẩn cấp, Quý khách vui lòng liên hệ đường dây nóng của **EUROP Assistance** **+84 28 3512 2324**. Việc vận chuyển y tế khẩn cấp và hồi hương trong và ngoài nước sẽ do **EUROP Assistance** đảm trách. Các chi phí thuộc trách nhiệm bảo hiểm sẽ được Liberty trả trực tiếp cho **EUROP Assistance**, theo điều kiện và điều khoản của hợp đồng bảo hiểm.

Quy trình yêu cầu bồi thường

Quý khách cần thông báo tổn thất cho Liberty trong vòng 30 ngày kể từ khi phát sinh sự cố bảo hiểm. Vui lòng liên hệ với Trung tâm Dịch vụ Khách hàng 24/7 One-Call 1800 599 998 để được hướng dẫn cụ thể.

ĐIỀU KIỆN THAM GIA BẢO HIỂM

Hợp đồng	Điều kiện
Hợp đồng bảo hiểm chuyến	Tối đa 2 người lớn và không giới hạn số lượng trẻ em cùng xuất phát và trở về Việt Nam vào một thời điểm Trẻ em phải có quan hệ huyết thống hoặc nuôi dưỡng với ít nhất một người lớn được bảo hiểm
Hợp đồng bảo hiểm năm	Tối đa 2 người lớn là vợ chồng hợp pháp và không giới hạn số lượng trẻ em Trẻ em phải đi cùng người lớn được bảo hiểm trong bất kỳ chuyến đi nào trong thời hạn bảo hiểm
Trẻ em	Tối đa 17 tuổi
Người lớn	Người được bảo hiểm dưới 70 tuổi: - Chi phí điều trị Covid-19 bao gồm chi phí vận chuyển y tế khẩn cấp và hồi hương: bảo hiểm toàn bộ lên đến hạn mức bảo hiểm như quy định trong bảng quyền lợi bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm đã tiêm đủ hai (02) liều vac-xin Covid-19 vào ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm/Giấy Chứng Nhận Bảo Hiểm. Tất cả các chi phí điều trị Covid-19 và các chi phí liên quan đến Covid-19 sẽ không được bảo hiểm nếu Người được bảo hiểm chưa tiêm đủ hai (02) liều vac-xin Covid-19 vào ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm. - Chi phí điều trị không liên quan đến Covid-19: Chi trả toàn bộ theo quy định trong Bảng quyền lợi bảo hiểm. - Tai nạn cá nhân/Trách Nhiệm Pháp Lý/Những sự cố ngoài ý muốn/Mất mát/Quyền lợi mở rộng: bảo hiểm lên đến hạn mức theo quy định trong Bảng quyền lợi bảo hiểm, không đồng chi trả/khấu trừ. Người được bảo hiểm từ 70 tuổi đến 80 tuổi: - Vận chuyển y tế và hồi hương không áp dụng cho người từ 70 tuổi trở lên. - Chi phí y tế/Tai nạn cá nhân/Trách nhiệm pháp lý/Những sự cố ngoài ý muốn/Mất mát/Quyền lợi mở rộng: Người được bảo hiểm đã tiêm đủ hai (02) liều vac-xin Covid-19 vào ngày cấp Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm và không bị nhiễm Covid-19 trước ngày hiệu lực Hợp đồng bảo hiểm/Giấy chứng nhận bảo hiểm; và Đồng chi trả 50% cho tất cả các chi phí y tế bao gồm chi phí y tế phát sinh khi trở về Việt Nam. - Hợp đồng này không bảo hiểm cho các chi phí y tế nếu việc đi du lịch hoặc thực hiện các hoạt động đi ngược lại với lời khuyên của bác sĩ tại Việt Nam.
Trẻ em chưa tiêm ngừa vắc-xin Covid	Trẻ em chưa tiêm ngừa vắc-xin ngừa Covid-19 được bảo hiểm khi đi du lịch cùng họ hàng/ba/mẹ đã tiêm đủ hai liều vắc-xin ngừa Covid-19 tại ngày cấp hợp đồng.

MỘT SỐ LƯU Ý KHÁC

Tuổi tham gia bảo hiểm	Tối đa 80 tuổi
Quốc tịch	Hợp đồng bảo hiểm này chỉ dành cho công dân Việt Nam và thường trú nhân Việt Nam
Độ dài chuyến đi	Hợp đồng bảo hiểm du lịch chuyến: độ dài của chuyến đi không quá 186 ngày Hợp đồng bảo hiểm du lịch năm: không giới hạn số chuyến đi trong Thời hạn bảo hiểm đối với hợp đồng bảo hiểm năm. Tuy nhiên, độ dài của mỗi chuyến đi không được vượt quá 90 ngày

Về Tập đoàn Bảo hiểm Liberty Mutual

 # 87

Xếp hạng bởi Fortune

Dựa trên doanh thu 2023

 # 8

Công ty bảo hiểm tài sản & thương vong lớn thứ 8 toàn cầu

Dựa trên tổng phí bảo hiểm 2023

45.000 +

Nhân viên trên toàn thế giới

A

Năng lực tài chính vững mạnh

Xếp hạng
'A' (Xuất sắc) bởi A.M. Best Co.
'A2' (Tốt) bởi Moody's
'A' (Mạnh) bởi Standard & Poor's

Về Công ty TNHH Bảo Hiểm Liberty

Công ty TNHH Bảo hiểm Liberty (gọi tắt là "Liberty", hoặc "Liberty Việt Nam", hoặc "Bảo hiểm Liberty") là thành viên của Tập đoàn Liberty Mutual. Tại Việt Nam, Bảo hiểm Liberty đã tạo được một vị thế hoàn toàn khác biệt trong thị trường bảo hiểm phi nhân thọ bằng việc áp dụng công nghệ hiện đại, giúp khách hàng mua bảo hiểm trực tuyến một cách dễ dàng, an toàn và quy trình bồi thường nhanh chóng và hiệu quả.

Mỗi sản phẩm bảo hiểm của Liberty là kết tinh của quá trình nghiên cứu kỹ lưỡng và được thiết kế phù hợp với tất cả người Việt Nam. Liberty luôn được thị trường đánh giá cao về chất lượng dịch vụ, là nơi khách hàng tìm tới đầu tiên cho những giải pháp bảo hiểm thực tế bảo vệ trước mọi rủi ro, an tâm tận hưởng cuộc sống.

Yên tâm nắm bắt hiện tại
Vững tin theo đuổi tương lai

Bảo hiểm Liberty Việt Nam, tự hào trong danh sách các công ty bảo hiểm phi nhân thọ hàng đầu, là một trong những nhà bảo hiểm nước ngoài có mặt tại Việt Nam sớm nhất vào năm 2003 với những giải thưởng uy tín:

- Doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài duy nhất đạt được thành tích Top 10 Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ uy tín nhất Việt Nam trong 3 năm liên tiếp 2018, 2019, 2020, xếp hạng bởi Vietnam Report

- Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ đạt 4 giải thưởng Dịch vụ Tài chính tiêu biểu trong 3 năm liên tiếp (2021 - 2023): Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ được khách hàng hài lòng về trải nghiệm số nhất (2021); Sản phẩm Dịch vụ Sáng tạo tiêu biểu - Sản phẩm Bảo hiểm Ô tô (2021); Sản phẩm & Dịch vụ Sáng tạo tiêu biểu (2022 - 2023)

- Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ đầu tiên và duy nhất tại Việt Nam được vinh danh trong 3 năm liên tiếp (2022 - 2024) tại Giải thưởng Bảo hiểm châu Á với 5 giải: Công ty Bảo hiểm Phi nhân thọ Quốc tế của năm – Việt Nam (2022 - 2024) và Sáng kiến của năm dành cho sản phẩm Bảo hiểm Ô tô – Việt Nam (2022 - 2023)

Mạng lưới Liberty Việt Nam

Trụ sở chính

Tầng 18, Tòa nhà Vincom
45A Lý Tự Trọng, Quận 1
TP Hồ Chí Minh
ĐT: (84-28) 38 125 125
Fax: (84-28) 38 125 018

Chi nhánh Hà Nội

Tầng 10, Tháp Đông
Tòa nhà Lotte Hà Nội
54 Đường Liễu Giai, Quận Ba Đình
TP. Hà Nội
ĐT: (84-24) 37 55 7 111
Fax: (84-24) 37 557 066

Chi nhánh, văn phòng giao dịch khác

Chi nhánh Hải Phòng
Tầng 3, Tòa nhà Seabank
Số 17, Khu B1, Lô 7B, Đường Lê Hồng Phong
Quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng
ĐT: (84-225) 3 999 366 225
Fax: (84-225) 3 999 368 225

Văn phòng giao dịch Nghệ An
Tầng 3, Tòa nhà Nhà Việt, số 8 Đại lộ V.I Lê Nin
TP Vinh, Tỉnh Nghệ An
ĐT: (84-28) 38 125 125

Văn phòng giao dịch Đà Nẵng
Tầng 2, Tòa nhà SAVICO
66 Võ Văn Tần, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng
ĐT: (84-236) 3 749 999; (84-236) 3 749 998;
(84-236) 3 749 997
Fax: (84-236) 3 749 996

Văn phòng giao dịch Cần Thơ
C36, Đường số 1
KĐT Mới Hưng Phú, Quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
ĐT: (84-28) 38 125 125

Văn phòng giao dịch Biên Hòa
101 Vũ Hồng Phô, Khu phố 2, P. Bình Đa,
TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai
ĐT: (84-28) 38 125 125

Văn phòng giao dịch Bình Dương
Tầng 1, Minh Sáng Plaza, 888 Đại lộ Bình Dương
Phường Thuận Giao, Thị xã Thuận An, Tỉnh Bình Dương
ĐT: (84-28) 38 125 125

MA-T00-BR-001-13-V

Dịch vụ Khách hàng 24/7 (miễn cước)

1800 599 998 - Miễn cước 24/7
Hotline@libertyinsurance.com.vn
www.libertyinsurance.com.vn